

Bản án số: 06 /2022/DS-PT

Ngày: 17 - 01 - 2022

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
 - + Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường
 - + Các Thẩm phán: Ông Trần Phước Hiệu, bà Vũ Thị Thanh Hòa
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử công khai vụ án thụ lý số 71 /2021/TLPT-DS ngày 13 / 7 /2021, về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DSST, ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113 /2021/QĐ-PT, ngày 26 tháng 10 năm 2021; Thông báo mở lại phiên tòa số 106/2021/TB-DSPT, ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Tr, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 40, đường NVT, khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Ngọc Th, sinh 1966

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận, có mặt

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Thu Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Mạnh H, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố 9, thị trấn ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người liên quan:

Ông Lê Minh Ph, sinh năm 1998 (Văn bản ủy quyền ngày 22/12/2020 và ngày 09/4/2021).

Địa chỉ: Số 277/45, đường XVNT, Phường 15, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh, có mặt

Người kháng cáo: Bà Trần Thị Thu Th

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/11/2020, các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Tr trình bày: Trước đây, bà Trần Thị Thu Th có vay của bà số tiền 50.000.000 đồng, khi vay bà Th nói là vay để cho con đi du học ở nước ngoài. Đến ngày 15/12/2016 âm lịch (tức ngày 12/01/2017 dương lịch), bà Th có trả cho bà 15.000.000 đồng và bà Th đã viết lại cho bà giấy vay tiền với số tiền vay là 35.000.000 đồng. Đến ngày 25/12/2019 âm lịch bà Th trả thêm 5.000.000 đồng nợ gốc, còn lại 30.000.000 đồng nợ gốc. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Th và ông H phải trả tiền nợ nhưng vợ chồng ông bà cứ hứa nhưng không chịu trả nợ. Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu phải trả số tiền 35.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà Th đã trả được 5.000.000 đồng tiền gốc nên bà chỉ yêu cầu phải trả số tiền 30.000.000 đồng nợ gốc và rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.000.000 đồng. Khi vay có mặt cả hai vợ chồng bà Th, ông Nguyễn Mạnh H, do tin tưởng nên bà không yêu cầu ông H ký vào giấy mượn tiền. Bà thay đổi yêu cầu khởi kiện từ tranh chấp hợp đồng vay tài sản sang tranh chấp đòi lại tài sản.

Tại phiên tòa, bà Tr yêu cầu vợ chồng bà Th và ông H phải liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, rút lại yêu cầu đối với số tiền 5.000.000 đồng. Bà Tr hiện không có chồng nên số tiền này là tài sản riêng của bà.

Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu khác có trong hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Minh Ph trình bày:

Vào ngày 15/12/2016 âm lịch, bà Trần Thị Thu Th có vay của bà rang số tiền 35.000.000 đồng. Mục đích vay tiền là để làm ăn riêng chứ bà Th không nhớ là có trả cho bà Tr được số tiền 5.000.000 đồng tiền nợ gốc hay chưa. Khi bà Th vay số tiền trên thì ông H không được biết và ông H cũng không biết bà Th sử dụng số tiền vay vào mục đích gì. Về giấy mượn tiền ngày 15/12/2012 do nguyên đơn nộp khi khởi kiện là do bà Trần Thị Thu Th viết và ký. Từ ngày 15/12/2016 âm lịch đến cuối năm 2019 bà Th đã trả cho bà Tr mức lãi suất 3%/tháng, tổng số tiền lãi đã trả là 23.100.000 đồng. Nay ông Phúc yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ về việc bà Th đã trả tiền lãi cho bà Tr. Trường hợp Hội đồng xét xử không ngừng phiên tòa thì ông yêu cầu Hội đồng xét xử tính lại lãi suất theo mức lãi do pháp luật quy định, phần vượt quá quy định được trừ vào nợ gốc, còn lại bao nhiêu nợ vay thì bà Th đồng ý trả cho bà Tr.

Ý kiến của ông Phúc, đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Nguyễn Mạnh H như sau: Ông H không liên quan đến việc này nên không đồng ý trả nợ.

Quá trình giải quyết, ông Lê Minh Ph đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu, do đã hết thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DSST, ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Thu Th và ông Nguyễn Mạnh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà rang số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí DSST:

Bà Trần Thị Thu Th và ông Nguyễn Mạnh H phải liên đới chịu 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí DSST, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà rang không phải chịu án phí DSST, được hoàn trả 875.000 đồng (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004185, ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh

4/ Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án (27/5/2021) để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngày 29/5/2021, bà Trần Thị Thu Th kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ tiền lãi suất mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật, đồng thời cũng không tính lại phần lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án tỉnh Bình Thuận hủy án sơ thẩm trả hồ sơ về Tòa án huyện Đức Linh giải quyết lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Thu Th vẫn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án huyện Đức Linh giải quyết lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu Th giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí, đề nghị hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các bên tranh luận và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Xét kháng cáo của bà Trần Thị Thu Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận: Vào ngày 15/12/2016 âm lịch, bà Trần Thị Thu Th có vay của bà rang số tiền 35.000.000 đồng.

Theo nguyên đơn xác định: Sau đó bị đơn đã trả được 5.000.000 đồng, còn lại 30.000.000 đồng.

[2] Nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn 30.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Còn việc bị đơn cho rằng: *Từ ngày 15/12/2016 âm lịch đến cuối năm 2019 bà Th đã trả cho bà Tr mức lãi suất 3%/tháng, tổng số tiền lãi đã trả là 23.100.000 đồng.* Nhưng bị đơn không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời khai của mình; nên lời khai này của bị đơn không có căn cứ để hội đồng xét xử chấp nhận.

Điều đó cũng đồng nghĩa với việc “*Bị đơn yêu cầu tính lại phần lãi vượt quá quy định của pháp luật mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn*” là không có căn cứ.

[4] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh cho lời khai của mình.

[5] Nên, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử buộc vợ chồng bị đơn phải trả cho nguyên đơn 30.000.000 đồng là có căn cứ.

[6] Bản án sơ thẩm vì vậy được giữ nguyên như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tại phiên tòa phúc thẩm.

[7] Do kháng cáo không được chấp nhận, bản án sơ thẩm được giữ nguyên, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DSST, ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Thu Th và ông Nguyễn Mạnh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà rang số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Thu Th, ông Nguyễn Mạnh H phải nộp 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Trần Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005379, ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Bà rang không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Tr 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004185, ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- THADS huyện Đức Linh;
- Những người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Cường

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào ngày 17 tháng 01 năm 2022

Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán* - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Cường

- *Các thẩm phán*: Ông Trần Phước Hiệu, bà Vũ Thị Thanh Hòa

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 71/2021/TLPT-DS ngày 13/7/2021, về việc: “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Hội đồng xét xử thảo luận về những nội dung phải giải quyết trong vụ án và biểu quyết 3/3 thành viên trong đồng xét xử nhất trí quyết định như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Thu Th; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2021/DSST, ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, 30 và 37 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc 5.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Trần Thị Thu Th và ông Nguyễn Mạnh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà rang số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/ Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Thu Th, ông Nguyễn Mạnh H phải nộp 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm; bà Trần Thị Thu Th phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005379, ngày 07/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

- Bà rang không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho bà Tr 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004185, ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nghị án kết thúc cùng ngày

Biên bản lập xong có đọc lại cho các thành viên trong hội đồng xét xử nghe nhất trí và ký tên dưới đây.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:

Trần Phước Hiệu

Vũ Thị Thanh Hòa

Đặng Văn Cường